

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-ST.

Ngày: 20-4-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Đức Lâm

2. Bà Hoàng Thị Kim Oanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Duy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/4/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 136/2021/TLST- DS ngày 27/10/2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản To quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-DS ngày 21/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980(có mặt)

Nơi cư trú: Xóm Viên, xã Tân Đức, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Nguyễn Phi H, sinh năm 1981(vắng mặt)

Chị Trần Thị T, sinh năm 1984(vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn Đồng Vân, xã Đồng Tân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Bùi Văn H, sinh năm 1964(có mặt)

Nơi cư trú: Xóm Viên, xã Tân Đức, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

To đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Do có mối quan hệ quen biết với anh H nên anh H có hỏi vay vợ chồng bà nhiều lần tiền và đã trả đầy đủ. Tuy nhiên, có hai lần vay là anh H không trả cụ thể là:

Lần 1: Ngày 25/03/2017 anh H và chị T vay của vợ chồng bà số tiền là 50.000.000 đồng, khi vay anh H có viết Giấy vay tiền, thời hạn vay là 06 tháng. Trong giấy vay tiền ngày 25/03/2017 có chữ ký người vay là chị Trần Thị T nhưng bà không trực tiếp nhìn thấy chị T ký mà đưa giấy tờ về cho anh H bảo chị T ký.

Lần 2 là ngày 05/11/2017 anh H lại vay của vợ chồng bà số tiền là 30.000.000 đồng. Khi vay anh H có viết giấy vay tiền và ký. Thời hạn vay là 01 tháng. Đến nay, anh H và chị T còn nợ vợ chồng chị số tiền là 80.000.000 đồng, chị có xuống nhà đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh H không trả nên chị khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa buộc vợ chồng anh Nguyễn Phi H và chị Trần Thị T pH trả cho vợ chồng chị toàn bộ số tiền nợ là 80.000.000 đồng. Quá trình hòa giải tại Tòa án anh H đã nhận nợ và chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn nợ cho chị nhưng anh H vẫn chưa trả. Nay chị yêu cầu anh H pH trả cho vợ chồng bà số tiền 80.000.000đồng như anh H đã cam kết.

Bị đơn anh Nguyễn Phi H trình bày:

Anh H xác định có vay của vợ chồng chị N hai lần tiền như chị N trình bày. Số tiền vay anh mang đi chợ và lấy hàng mà không cho chị T biết. Do anh làm ăn bị thua lỗ hết nên anh không có tiền trả cho chị N được. Nay anh H, chị N khởi kiện yêu cầu anh trả số tiền 80.000.000đồng thì anh đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ và đề nghị được trả dần.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh H trình bày:

Anh H có vay của vợ chồng anh số tiền là 80.000.000 đồng như chị N trình bày là đúng. Nay anh H nhận nợ và chịu trách nhiệm một mình trả số tiền nợ 80.000.000đồng cho vợ chồng anh thì anh đồng ý và yêu cầu anh H trả Nợ.

Tại phiên tòa chị N, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh H pH trả số tiền còn nợ là 80.000.000đồng. Anh H, chị T vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự ;

Áp dụng các Điều 463; 466; khoản 2 Điều 357; 468; 469; 688 Bộ luật Dân sự ; Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

Buộc anh Nguyễn Phi H pH thanh toán trả cho chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn H số tiền còn nợ là 80.000.000đồng(tám mươi triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị N về việc yêu cầu chị T pH có nghĩa vụ liên đới cùng anh H thanh toán trả chị số tiền 80.000.000đồng.

Về án phí: Anh Nguyễn Phi H pH chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4000.000đồng.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2000.000đồng To biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí số 0007637 ngày 27/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ do chị N đã nộp hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đầy đủ, đúng pháp luật.

[1.2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào các giấy tờ do chị N giao nộp, lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xét thấy chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Phi H thanh toán số tiền còn nợ là 80.000.000đồng là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Phi H và chị Trần Thị T là bị đơn đang cư trú trên địa bàn huyện Hiệp Hòa vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa To quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn anh Nguyễn Phi H và chị Trần Thị T tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn: Qua lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do các bên xuất trình và quá trình tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy: Do mối quan hệ quen biết nên chị Nguyễn Thị N có cho anh Nguyễn Phi H vay số tiền 80.000.000đồng, có giấy biên nhận và anh H cũng đồng ý trả nợ cho chị N nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Quá trình làm việc chị N xin rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc chị T có nghĩa vụ liên đới cùng anh H thanh toán số tiền 80.000.000đồng nên cần đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của chị N đối với chị T.

[3] Về nghĩa vụ, trách nhiệm thanh toán: Tại phiên tòa chị N xác định số tiền anh H còn nợ là tài sản chung của chị và anh H nên cần buộc anh H pH có nghĩa vụ thanh toán số tiền này cho chị N và anh H.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của chị N được chấp nhận nên bị đơn anh Nguyễn Phi H pH chịu toàn bộ án phí To quy định của pháp luật là. Hoàn trả chị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo To quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; của Bộ luật tố tụng dân sự ;

Căn cứ các Điều 463; 466; khoản 2 Điều 357; 468; 469; 688; của Bộ luật Dân sự ; Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

Buộc anh Nguyễn Phi H pH thanh toán trả cho chị Nguyễn Thị N và anh Bùi Văn H số tiền còn nợ là 80.000.000đồng(tám mươi triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị N đối với chị Trần Thị T về việc yêu cầu chị T có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền còn nợ cùng anh H.

Về án phí: Anh Nguyễn Phi H pH chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4000.000đồng.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2000.000đồng To biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí số 0007637 ngày 27/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành To mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Báo thời hạn kháng cáo 15 ngày cho các đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành To quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành To các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện To quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND H. Hiệp Hòa (2 b);
- Chi cục THADS H. Hiệp Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đào Thị Oanh

